

NGHỊ QUYẾT

**Quy định nội dung, mức chi kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình
mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025
trên địa bàn tỉnh Hậu Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG
KHÓA X KỲ HỌP 23**

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
- Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
- Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
- Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;
- Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;
- Căn cứ Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;
- Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025;
- Xét Tờ trình số 171/TTr-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang về dự thảo Nghị quyết quy định nội dung, mức chi kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định nội dung, mức chi kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng, quyết toán và thụ hưởng nguồn kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

b) Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Nội dung và mức chi

1. Quy định nội dung, mức chi kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

(Đính kèm Phụ lục chi tiết)

2. Các nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định tại Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 và các quy định hiện hành của địa phương. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bởi văn bản mới thì áp dụng theo văn bản mới đó.

3. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

Điều 3. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang quy định nội dung, mức chi kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang và bãi bỏ Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang quy định nội dung và mức chi thực hiện “Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật.

2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang Khóa X Kỳ họp thứ 23 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 20 tháng 12 năm 2024. /

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Quản trị II; Cục Hành chính - Quản trị II;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- TT: TƯ, HĐND, UBND tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN và các đoàn thể tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- HĐND, UBND, UBMTTQVN cấp huyện;
- Cơ quan Báo, Đài tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.KX. *h*

CHỦ TỊCH



Trần Văn Huyền
Trần Văn Huyền

Phụ lục

QUY ĐỊNH NỘI DUNG, MỨC CHI KINH PHÍ SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HẬU GIANG

(Kèm theo Nghị quyết số 31/2024/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2024
của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang)

1. Hỗ trợ phát triển các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình, ấp

a) Mức hỗ trợ thực hiện một (01) mô hình không quá 15 triệu đồng đối với quy mô hộ gia đình và không quá 450 triệu đồng đối với quy mô ấp.

b) Nội dung và mức chi xây dựng và quản lý mô hình thực hiện theo quy định tại khoản 13 Điều 4 Thông tư số 55/2023/TT-BTC (Thông tư số 55/2023/TT-BTC) ngày 15/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Chi hỗ trợ xây dựng và phát triển hiệu quả các vùng nguyên liệu tập trung, chuyển đổi cơ cấu sản xuất, góp phần thúc đẩy chuyển đổi số trong nông nghiệp

a) Chi hỗ trợ 100% chi phí tư vấn, giám sát và gắn mã vùng trồng, vùng thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) cho các cá nhân, tổ chức. Mức hỗ trợ không quá 100 triệu đồng/tổ chức, cá nhân cho mỗi vùng trồng, vùng thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP). Ưu tiên cấp mã vùng trồng cho vùng sản xuất đã được đánh giá chứng nhận vùng trồng thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) và nông nghiệp hữu cơ.

b) Chi hỗ trợ 100% truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã, huyện, tỉnh. Mức hỗ trợ thực hiện một (01) dự án, mô hình, kế hoạch, phương án, vùng trồng không quá 20 triệu đồng.

3. Chi hỗ trợ cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại

a) Nội dung hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Thông tư số 08/2014/TT-BNNPTNT ngày 20 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện một số điều của Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp; Thông tư số 02/2016/TT-BNNPTNT ngày 22 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung danh mục chủng loại máy, thiết bị được hưởng chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 08/2014/TT-BNNPTNT ngày 20 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Quyết định số 738/QĐ-BNN-KHCN ngày 14 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiêu chí xác định chương trình, dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, danh mục công nghệ cao ứng dụng trong nông nghiệp.

b) Mức hỗ trợ dự án, mô hình, kế hoạch, phương án được duyệt thực hiện cho một (01) cơ sở, tổ chức, cá nhân không quá 1.000 triệu đồng.

4. Chi triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)

a) Chi hỗ trợ điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Mức hỗ trợ cho mỗi điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP không quá 100 triệu đồng.

5. Chi nâng cao hiệu quả hoạt động của các hình thức tổ chức sản xuất

a) Chi hỗ trợ lựa chọn, hoàn thiện và nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới hiệu quả tại các địa phương theo quy định tại Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 03 tháng 02 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án lựa chọn, hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới hiệu quả tại các địa phương trên cả nước giai đoạn 2021 -2025 và văn bản hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Mức hỗ trợ thực hiện một (01) mô hình không quá 300 triệu đồng.

6. Chi thực hiện Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới

a) Chi hỗ trợ phát triển điểm du lịch nông thôn và sản phẩm du lịch nông thôn mang đặc trưng vùng, miền: Nội dung cụ thể thực hiện theo Quyết định số 922/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 và khoản 1, khoản 2 Điều 16 Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Mức hỗ trợ thực hiện một (01) mô hình, dự án không quá 500 triệu đồng.

b) Chi hỗ trợ xây dựng và triển khai mô hình thí điểm phát triển du lịch nông thôn theo hướng du lịch xanh, có trách nhiệm và bền vững theo quyết định được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức hỗ trợ thực hiện một (01) mô hình không quá 2.000 triệu đồng. Nội dung và mức chi xây dựng và quản lý mô hình thí điểm phát triển du lịch nông thôn theo hướng du lịch xanh, có trách nhiệm và bền vững thực hiện theo quy định tại khoản 13 Điều 4 Thông tư số 55/2023/TT-BTC.

7. Chi thực hiện các Đề án/Kế hoạch tổ chức phân loại, thu gom, vận chuyển chất thải rắn trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố; phát triển, nhân rộng các mô hình phân loại chất thải tại nguồn phát sinh

a) Chi thực hiện các Đề án/Kế hoạch tổ chức phân loại, thu gom, vận chuyển chất thải rắn trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Mức hỗ trợ thực hiện không quá 500 triệu đồng/huyện, thị xã, thành phố.

b) Chi hỗ trợ phát triển, nhân rộng các mô hình phân loại chất thải tại nguồn phát sinh: Mức hỗ trợ 20 triệu đồng/mô hình.

c) Nội dung và mức chi xây dựng và quản lý dự án, kế hoạch, phương án, mô hình thực hiện theo quy định tại khoản 13 Điều 4 Thông tư số 55/2023/TT-BTC.

8. Chi thu gom, tái chế, tái sử dụng các loại chất thải theo nguyên lý tuần hoàn; tăng cường công tác quản lý chất thải nhựa trong hoạt động sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp ở Việt Nam; xây dựng cộng đồng dân cư không rác thải nhựa

a) Chi hỗ trợ chi xây dựng các mô hình về thu gom, xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải hữu cơ, chất thải nông nghiệp, phụ phẩm nông nghiệp, chất thải nhựa theo nguyên lý tuần hoàn; mô hình cộng đồng dân cư không rác thải nhựa theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Mức hỗ trợ thực hiện một (01) mô hình không quá 300 triệu đồng.

b) Nội dung và mức chi xây dựng và quản lý mô hình thực hiện theo quy định tại khoản 13 Điều 4 Thông tư số 55/2023/TT-BTC.

9. Chi đẩy mạnh xử lý, khắc phục ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường

a) Chi đẩy mạnh xử lý, khắc phục ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường tại những khu vực tập trung nhiều nguồn thải, những nơi gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng và các khu vực mặt nước bị ô nhiễm; sử dụng hiệu quả và tiết kiệm các nguồn tài nguyên theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

b) Mức hỗ trợ thực hiện một (01) dự án, mô hình không quá 500 triệu đồng.

10. Chi giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam; phát triển các mô hình áp sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn, khu dân cư kiểu mẫu.

a) Chi hỗ trợ xây dựng và nhân rộng các mô hình áp sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn, thực hiện theo Điều 18 Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT (Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT) ngày 25/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Mức hỗ trợ thực hiện một (01) mô hình không quá 200 triệu đồng đối với quy mô ấp, không quá 500 triệu đồng đối với quy mô cấp xã (liên ấp), không quá 1.000 triệu đồng với quy mô cấp huyện (liên xã).

b) Nội dung và mức chi xây dựng và quản lý mô hình thực hiện theo quy định tại khoản 13 Điều 4 Thông tư số 55/2023/TT-BTC

11. Chi thực hiện Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới

a) Chi hỗ trợ xây dựng và triển khai thí điểm một số mô hình thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình theo Quyết định số 925/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 và Điều 20 Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT.

Mức hỗ trợ thực hiện một (01) mô hình đối với các mô hình quy định tại khoản 1 Điều 20 Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT không quá 1.000 triệu đồng.

Mức hỗ trợ thực hiện một (01) mô hình đối với các mô hình quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 Điều 20 Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT không quá 500 triệu đồng.

b) Nội dung và mức chi xây dựng và quản lý mô hình thực hiện theo quy định tại khoản 13 Điều 4 Thông tư số 55/2023/TT-BTC.

12. Chi thực hiện Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh

a) Chi hỗ trợ triển khai thí điểm mô hình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới theo Quyết định số 924/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021 - 2025 và Điều 21 Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT.

Mức hỗ trợ thực hiện một (01) mô hình không quá 1.000 triệu đồng đối với quy mô ấp và không quá 2.000 triệu đồng đối với quy mô cấp xã.

b) Nội dung và mức chi xây dựng và quản lý mô hình thực hiện theo quy định tại khoản 13 Điều 4 Thông tư số 55/2023/TT-BTC.

13. Chi triển khai Phong trào “Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững”; xây dựng các Chi hội nông dân nghề nghiệp, Tổ hội nông dân nghề nghiệp theo nguyên tắc “5 tự” và “5 cùng”.

a) Chi tổ chức các hoạt động hỗ trợ xây dựng mô hình, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các Chi hội, Tổ hội nghề nghiệp theo Hướng dẫn số 466-HD/HNĐTƯ ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Trung ương Hội Nông dân Việt Nam về thực hiện một số nội dung thành phần thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

b) Mức hỗ trợ thực hiện một (01) mô hình không quá 30 triệu đồng/Tổ hội và không quá 50 triệu đồng/Chi hội.

14. Chi hỗ trợ triển khai hiệu quả Đề án “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017 - 2025”

a) Chi hỗ trợ thành lập mô hình và duy trì sinh hoạt mô hình Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp tại cấp tỉnh, cấp huyện; mạng lưới cố vấn/tư vấn cho các doanh nghiệp khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh và mới thành lập do phụ nữ làm chủ. Nội dung cụ thể xây dựng mô hình thực hiện theo hướng dẫn của Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam.

b) Mức hỗ trợ thực hiện một (01) mô hình không quá 30 triệu đồng.

15. Chi vun đắp, gìn giữ giá trị tốt đẹp và phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam; thực hiện Cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch”

a) Chi hỗ trợ xây dựng các mô hình điểm và nhân rộng các mô hình sẵn có nhằm vun đắp, gìn giữ giá trị tốt đẹp và phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam;

thực hiện Cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch”. Nội dung cụ thể xây dựng mô hình thực hiện theo hướng dẫn của Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam.

b) Mức hỗ trợ thực hiện một (01) mô hình không quá 30 triệu đồng.

16. Chi nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá; nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát của cộng đồng

a) Chi thí điểm và nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát của cộng đồng, huy động người dân tham gia giám sát cộng đồng.

b) Mức hỗ trợ thực hiện một (01) mô hình không quá 30 triệu đồng.

17. Các mức chi quy định nêu trên là mức tối đa. Căn cứ vào quy mô, tính chất, nội dung thực tế công việc phát sinh, giao Thủ trưởng cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm quyết định mức chi cụ thể và không vượt mức quy định nêu trên./.